

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN DÂN TỘC

Số: 17/QĐ-BDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 19 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 271/KH-BDT ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, gồm các ông, bà có tên sau:

1. Đoàn kiểm tra số 1: Kiểm tra trực tiếp tại các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú, Phú Riềng. Thành phần Đoàn gồm:

* Thành phần Ban Dân tộc:

- | | | |
|--------------------------|--------------------------|---------------|
| 1. Ông Lý Trọng Nhân | - Trưởng Ban Dân tộc | - Trưởng Đoàn |
| 2. Ông Nguyễn Lương Nhân | - Phó trưởng Ban Dân tộc | - Phó Đoàn |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thắm | - TP. KHTH | - Thành viên |

4. Ông Nguyễn Minh Trí - TP. Tuyên truyền và Địa bàn - Thành viên
 5. Bà Bùi Thị Thu Hạnh - CV, Phòng KHTH - Thư ký.

* Mời các ông, bà có tên sau tham gia thành viên Đoàn kiểm tra:

1. Ông Đặng Tấn Sĩ - Phó CVP, Sở VH TT&DL - Thành viên
 2. Bà Lê Thị Nhung - CV, Sở NN&PTNT - Thành viên
 3. Ông Võ Văn Hòa - CV Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành viên.

2. Đoàn kiểm tra số 2: Kiểm tra trực tiếp tại các huyện Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản. Thành phần Đoàn gồm:

* Thành phần Ban Dân tộc:

1. Ông Lý Trọng Nhân - Trưởng Ban Dân tộc - Trưởng Đoàn
 2. Ông Điều Nen - Phó Trưởng Ban Dân tộc - Phó đoàn
 3. Ông Thạch Lực - Chánh Thanh tra Ban Dân tộc - Thành viên
 4. Ông Hoàng Anh Dũng - TP. Chính sách Dân tộc - Thành viên
 5. Ông Huỳnh Quốc Cường - CV, Phòng KHTH - Thư ký.

* Mời các ông, bà có tên sau tham gia thành viên Đoàn kiểm tra:

1. Ông Lê Anh Tuấn - PGĐ Sở Y tế - Thành viên
 2. Ông Trịnh Văn Nam - Phó CVP, Sở GD&ĐT - Thành viên
 3. Bà Trương Thị Ngọc Anh - PTP, Sở LĐTB&XH - Thành viên
 4. Ông Mai Thành Trung - PTP, Sở Tài chính - Thành viên.

Điều 2. Nội dung, đối tượng, hình thức và thời gian kiểm tra (Có kế hoạch chi tiết kèm theo Quyết định này)

Điều 3. Các ông, bà Chánh Văn phòng, Thành viên Đoàn kiểm tra, cơ quan, địa phương được kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định, kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Các sở: KH&ĐT, Tài chính, NN&PTNT, GD&ĐT, LĐTB&XH, VH TT&DL, Y tế;
- Lãnh đạo Ban Dân tộc;
- Như Điều 1;
- UBND các huyện: Bù Gia Mập, Bù Đăng, Phú Riềng, Đồng Phú, Bù Đốp, Lộc Ninh, Hớn Quản;
- Phòng chuyên môn BDT;
- Lưu: VT, T.Tr Ban.



Lý Trọng Nhân



Số: 27 /KH-BDT

Bình Phước, ngày 27 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022

Căn cứ Thông tư 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Thực hiện Kế hoạch số 271/KH-BDT ngày 23 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-BDT ngày 29 tháng 3 năm 2023, của Trưởng Ban Dân tộc về việc thành lập Đoàn kiểm tra kết quả triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022;

Ban Dân tộc ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kiểm tra công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc chấp hành quy định về quản lý tổ chức, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là Chương trình) của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình; chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần, chủ đầu tư các dự án, hoạt động thuộc chương trình.

- Phát hiện kịp thời những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo và triển khai thực hiện, quản lý chương trình, dự án theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh trong quản lý chương trình, dự án nhằm nâng cao hiệu quả chương trình trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Công tác kiểm tra phải bám sát mục tiêu, nội dung của các dự án, tiểu dự án của Chương trình; bảo đảm tính công khai, khách quan, chính xác, phản ánh trung

thực, đúng thực chất, đầy đủ kết quả đạt được; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

- Qua kiểm tra, nắm bắt tình hình, kết quả đạt được; những khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý những tồn tại, hạn chế và các vấn đề phát hiện sau kiểm tra, rút ra các bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện Chương trình.

II. NỘI DUNG, THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

1. Nội dung

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của trung ương và địa phương liên quan đến Chương trình.

- Công tác bố trí vốn, quản lý nguồn vốn, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Công tác phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình.

1.2. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện

- Kết quả, tiến độ thực hiện giải ngân vốn giao của Chương trình năm 2022 cho đến thời điểm kiểm tra (số liệu tạm ứng, thanh toán khối lượng, giải ngân; hồ sơ đấu thầu, chỉ định thầu; hồ sơ nghiệm thu khối lượng...).

- Khối lượng, kết quả thực hiện so với mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình vốn giao năm 2022.

- Mức độ tham gia và hưởng lợi của người dân trên địa bàn.

- Việc phân cấp xã làm chủ đầu tư theo quy định.

1.3. Khó khăn, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện

- Khó khăn, vướng mắc

- Nguyên nhân

1.4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

2. Thành phần Đoàn kiểm tra

Thành phần Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 17/QĐ-BDT ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Trưởng Ban Dân tộc (thường trực Chương trình).

- **Đoàn số 1:** Kiểm tra tại các huyện Phú Riềng, Bù Gia Mập, Bù Đăng và Đồng Phú

- **Đoàn số 2:** Kiểm tra tại các huyện Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp.

III. THỜI GIAN, THỜI KỲ VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Thời gian

- Triển khai thực hiện trong tháng 4 năm 2023, thời gian cụ thể, Ban Dân tộc

sẽ có văn bản gửi từng huyện và thông báo thành phần đoàn công tác.

- Thời gian thực hiện kiểm tra 14 ngày/07 huyện (02 ngày/01 huyện)
- Ngày thứ nhất làm việc với UBND xã, kiểm tra các hạng mục công trình đầu tư trên địa bàn.
- Ngày thứ hai làm việc với UBND huyện: thành phần của huyện do UBND huyện mời.

2. Thời kỳ kiểm tra

Kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

3. Phương pháp

3.1. Đại diện các sở, ngành mời tham gia thành viên Đoàn kiểm tra

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành được giao triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình theo kế hoạch vốn được giao năm 2022, chuẩn bị tài liệu, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương liên quan đến việc thực hiện Chương trình để kiểm tra, hướng dẫn UBND các huyện.

- Từng thành viên Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với một số chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần liên quan đến việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình liên quan đến lĩnh vực, ngành quản lý, qua kết quả kiểm tra trực tiếp đối với chủ dự án, chủ đầu tư của huyện liên quan đến nội dung, dự án nào chốt biên bản nội dung đó (nếu xét thấy cần thiết).

3.2. Đối với cấp huyện

- UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng báo cáo theo đề cương tại Phụ lục số 3- Mẫu số 3.1 ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; cung cấp các văn bản, tài liệu liên quan cho Đoàn kiểm tra khi có yêu cầu.

- Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với Thường trực UBND huyện và các phòng, ban, đơn vị liên quan đến việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện phục vụ cho đợt kiểm tra.

3.3. Tại cấp xã

- Kiểm tra trực tiếp tại UBND xã về công tác chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình; các quy định về giám sát đầu tư cộng đồng; công tác xây dựng báo cáo tình hình thực hiện chương trình của UBND cấp xã theo Phụ lục số 3- Mẫu số 3.1 ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Đoàn làm việc trực tiếp với Thường trực UBND, UBND xã và các ban, ngành, đoàn thể xã.

- Kiểm tra trực tiếp tại một số công trình đầu tư hạ tầng; kiểm tra một số dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần trên địa bàn xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí Đoàn kiểm tra được bố trí trong dự toán kinh phí năm 2022 tại Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 (đợt 1) của Tiểu dự án 3 - Dự án 10 của Chương trình giao cho Ban Dân tộc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành viên Đoàn kiểm tra

- Sắp xếp công việc của đơn vị tham gia đầy đủ các đợt kiểm tra theo kế hoạch đề ra; Tổng hợp số liệu, văn bản liên quan đến nội dung kiểm tra gửi thư ký đoàn tổng hợp biên bản, báo cáo chung khi kết thúc đợt kiểm tra tại các huyện.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, lĩnh vực thành viên Đoàn tập trung những vụ của Sở, ngành mình quản lý, kiểm tra, hướng dẫn đối với UBND các huyện.

2. Giao Thanh tra Ban chịu trách nhiệm chủ trì

- Căn cứ vào tình hình thực tế tiến độ triển khai thực hiện của các huyện, thị để xây dựng thông báo chương trình kiểm tra theo kế hoạch.

- Đầu mối, chủ trì phối hợp liên hệ với các thành viên Đoàn kiểm tra của sở, ngành liên quan và các địa phương Đoàn đến kiểm tra; chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu, báo cáo của các huyện gửi trước cho thành viên Đoàn kiểm tra trước khi thực hiện kiểm tra tại địa phương.

- Tổng hợp báo cáo chung kết quả sau kiểm tra Chương trình trên địa bàn tỉnh sau khi kết thúc đợt kiểm tra.

2. Các phòng chuyên môn của Ban Dân tộc

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chuẩn bị hồ sơ có liên quan, theo dõi, hướng dẫn thực hiện Chương trình theo Kế hoạch số 44/KH-BDT ngày 27/9/2022 của Trưởng ban Ban Dân tộc có trách nhiệm kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung được giao.

- Văn Phòng Ban Dân tộc phối hợp với Thanh tra Ban bố trí phương tiện, chuẩn bị kinh phí phục vụ Đoàn kiểm tra và hồ sơ thanh quyết toán sau kết thúc đợt kiểm tra.

2. Đề nghị UBND các huyện; chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần của chương trình

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã xây dựng báo cáo theo đề nghị của Đoàn kiểm tra, theo đề cương, biểu mẫu quy định tại Phụ lục số 3- Mẫu số 3.1 ban hành kèm theo Thông tư 01/2022/TT-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc, thời gian gửi báo cáo về Ban Dân tộc vào ngày 05/4/2023 để xem xét quyết định tiến hành thực hiện cuộc kiểm

tra, đồng thời gửi file miễn qua Thanh tra Ban theo địa chỉ luctl.bdt@binhphuoc.gov.vn.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban chuyên môn cùng làm việc với đoàn kiểm tra của Ban.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022. Ban Dân tộc đề nghị thành viên Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 17/QĐ-BDT ngày 29 tháng 3 năm 2023, Ủy ban nhân dân các huyện, các chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành Chương trình quan tâm phối hợp thực hiện. *t.thb*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Chỉ đạo các CTMTQG tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng của Ban;
- Phòng Dân tộc các huyện, TX, TP;
- Đăng trang weblite của Ban;
- Lưu: VT, TTr.

tt

TRƯỞNG BAN



nhân

Lý Trọng Nhân

PHỤ LỤC SỐ 03 – MẪU SỐ 3.1
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 01/2022/TT-UBND, ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO

Số: .../BC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày...tháng...năm....

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kỳ báo cáo: từ tháng...năm...đến tháng...năm....

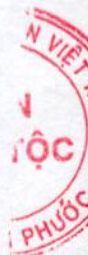
I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

1. Ban hành cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Tình hình xây dựng và ban hành các cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi là Chương trình)
- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc về ban hành và triển khai các cơ chế chính sách, hướng dẫn chung và các cơ chế chính sách, hướng dẫn đặc thù của địa phương trong thực hiện Chương trình.

2. Công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình

- Kiện toàn, tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình
- Cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình
- Cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương, cơ sở và người dân thực hiện Chương trình
- Cơ chế huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực
- Lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình
- Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, giải ngân, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình
- Thông tin, truyền thông, vận động
- Nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.
- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình



- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, hạn chế về công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình.

3. Tình hình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình

Ghi chú:

- Chủ dự án, chủ tiểu dự án, chủ nội dung thành phần, UBND các cấp báo cáo tình hình thực hiện đối với các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và thuộc trách nhiệm báo cáo.

- Báo cáo tình hình thực hiện đối với mỗi dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình từ mục 3.1 đến mục 3.10 dưới đây được trình bày theo đề cương chung như sau:

+ *Bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực: ngân sách Trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); ngân sách địa phương (vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp); vốn lồng ghép; huy động khác (theo các nguồn: tín dụng; huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; đóng góp của người dân, cộng đồng; hợp tác quốc tế, dự án tài trợ nếu có) cho từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý.*

+ *Tiến độ, kết quả thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo (nêu các chỉ số kết quả chính, chi tiết nêu trong các Biểu số liệu đính kèm báo cáo).*

+ *Những thành tựu nổi bật, thay đổi tích cực trong kỳ báo cáo, so sánh với các kỳ báo cáo trước.*

+ *Những kinh nghiệm tốt, cách làm hay, mô hình thành công, gương điển hình.*

+ *Tình hình lồng ghép giới, thực hiện bình đẳng giới.*

+ *Những khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện; các hạn chế, yếu tố ảnh hưởng và rủi ro trong điều kiện thực tế tại địa phương. Nguyên nhân và hệ quả.*

+ *Ngoài các nội dung báo cáo tổng hợp và các Biểu số liệu cập nhật đối với từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động, có thể gửi kèm các tài liệu khác để giải trình, báo cáo làm rõ thêm.*

3.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở

b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở

c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt

(kèm theo Biểu số 2.1 trong Phụ lục số 02)

3.2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

(kèm theo Biểu số 2.2 trong Phụ lục số 02)

3.3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN

+ Hỗ trợ xây dựng mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh

+ Hỗ trợ thành lập, vận hành các dự án “Trung tâm hỗ trợ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”

+ Hỗ trợ thí điểm tổ chức triển khai vận hành các dự án “Trung tâm kết nối giao thương thương mại, du lịch và quảng bá sản vật vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”

+ Định kỳ tổ chức hằng năm các sự kiện Festival thanh niên, sinh viên, người có uy tín tiêu biểu và tấm gương khởi nghiệp thành công ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

+ Hỗ trợ thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào DTTS&MN

c) Tiểu dự án 3: Phát triển kinh tế xã hội - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số và miền núi

+ Hỗ trợ các dự án, mô hình chăn nuôi, mô hình trồng trọt

+ Cán bộ, chiến sỹ quân đội nâng bước em tới trường

(kèm theo Biểu số 2.3.1, Biểu số 2.3.2.1, Biểu số 2.3.2.2 và Biểu số 2.3.2.3 trong Phụ lục số 02)

3.4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN

- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

b) Tiểu Dự án 2: Đầu tư cơ sở vật chất các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc

(kèm theo Biểu số 2.4.1.1, Biểu số 2.4.1.2 và Biểu số 2.4.2 trong Phụ lục số 02)

3.5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

- Đầu tư CSVC, trang thiết bị các trường PTDTBT và trường phổ thông có HSBT

- Đầu tư CSVC, trang thiết bị các trường PTDNT

- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS

b) Tiêu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS

- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

- Nội dung số 02: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

c) Tiêu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Nội dung số 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS và miền núi gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo

- Nội dung số 02: Hỗ trợ đào tạo nghề

- Nội dung số 03: Hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

- Nội dung số 04: Chuẩn hóa kỹ năng lao động và kết nối hiệu quả đào tạo và giải quyết việc làm. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người DTTS

- Nội dung số 05: Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học cho các cơ sở GDNN vùng DTTS&MN

- Nội dung số 06: Tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; Kiểm tra, giám sát đánh giá; xây dựng bộ chỉ số (KPI) để làm cơ sở giám sát và đánh giá việc triển khai các nội dung theo mục tiêu của dự án và xây dựng phương pháp, cơ chế giám sát, đánh giá và đề xuất điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án

d) Tiêu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp

(kèm theo Biểu số 2.5.1, Biểu số 2.5.2, Biểu số 2.5.3 và Biểu số 2.5.4 trong Phụ lục số 02)

3.6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

a) Nội dung số 01: Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các DTTS có dân số ít người

b) Nội dung số 02: Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS

c) Nội dung số 03: Tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương khai thác, xây dựng sản phẩm phục vụ phát triển du lịch

d) Nội dung số 04: Xây dựng chính sách và hỗ trợ nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận

đ) Nội dung số 05: Tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể

e) Nội dung số 06: Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các DTTS có nguy cơ mai một

g) Nội dung số 07: Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các DTTS

h) Nội dung số 08: Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN, vùng di dân tái định cư

i) Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN

k) Nội dung số 10: Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào DTTS&MN

l) Nội dung số 11: Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào DTTS cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số

m) Nội dung số 12: Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS

n) Nội dung số 13: Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội, liên hoan, giao lưu nhằm bảo tồn các môn thể thao truyền thống, các trò chơi dân gian của các DTTS

o) Nội dung số 15: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các DTTS

p) Nội dung số 16: Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào DTTS

q) Nội dung số 17: Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS

r) Nội dung số 18: Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN.

s) Nội dung số 19: Hỗ trợ xây dựng mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch

(kèm theo Biểu số 2.6 trong Phụ lục số 02)

3.7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Nội dung số 01: Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN

b) Nội dung số 02: Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS &MN

c) Nội dung số 03: Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em nhằm giảm tử vong bà mẹ, tử vong trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số

(kèm theo Biểu số 2.7 trong Phụ lục số 02)

3.8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em

a) Nội dung số 01: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa



có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em

b) Nội dung số 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em

c) Nội dung số 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

d) Nội dung số 04; Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

(kèm theo Biểu số 2.8 trong Phụ lục số 02)

3.9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn

a) Tiểu Dự án 1; Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù

- Nội dung số 01; Xây dựng cơ sở hạ tầng các thôn, bản theo tiêu chí nông thôn mới

- Nội dung số 02; Hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế

- Nội dung số 03: Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc, thông tin - truyền thông nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào

- Nội dung số 04: Hỗ trợ bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số có khó khăn đặc thù

b) Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.

(kèm theo Biểu số 2.9.1 và Biểu số 2.9.2 trong Phụ lục số 02)

3.10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG

- Nội dung số 01; Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín

- Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS

- Nội dung số 03: Tăng cường trợ giúp pháp lý

b) Tiểu dự án 2; ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

- Nội dung số 01: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện CTMTQG

- Nội dung số 02: Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị hội thảo, đào tạo tập huấn của Ban Chỉ đạo Trung ương và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương

- Nội dung số 03: Hỗ trợ cơ quan giúp việc cho Ban Chi đạo Trung ương tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tuyến phục vụ cho việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình

- Nội dung số 04: Hỗ trợ xây dựng các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh trật tự.

- Nội dung số 05: Hỗ trợ xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN

c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

(kèm theo Biểu số 2.10.1, Biểu số 2.10.2 và Biểu số 2.10.3 trong Phụ lục số 02)

4. Tiến độ thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu cụ thể, các chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình thuộc phạm vi quản lý (so với các chỉ tiêu kế hoạch nêu trong văn kiện Chương trình ở cấp quốc gia, các nghị quyết, đề án, kế hoạch của các cấp địa phương).

- Những chỉ tiêu chủ yếu đã đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Những chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt kế hoạch đề ra trong kỳ báo cáo.

- Phân tích các nguyên nhân, yếu tố ảnh hưởng, các bài học, kinh nghiệm tốt, cách làm hay, các khó khăn, hạn chế của địa phương.

(kèm theo số liệu tại Phụ lục số 01, bao gồm các chỉ số kết quả chủ yếu thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo)

5. Huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

- Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực trong kỳ báo cáo:

+ Nguồn ngân sách Trung ương (*vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp*)

+ Nguồn ngân sách địa phương (*vốn đối ứng: vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp*)

+ Vốn lồng ghép

+ Nguồn tín dụng trực tiếp cho các dự án, hoạt động của Chương trình

+ Nguồn huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân

+ Đóng góp của người dân, cộng đồng

- Tình hình giải ngân, kết quả thực hiện các nguồn vốn so với kế hoạch

- Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù

- Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có)

- Đánh giá chung về công tác huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân.

(kèm theo tổng hợp số liệu theo Biểu số 3.2 trong Phụ lục số 03 về huy động, phân bổ và thực hiện nguồn lực)

6. Đánh giá chung



6.1. Kết quả nổi bật đã đạt được

6.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu, các chỉ tiêu chủ yếu dự kiến/phần đầu đạt được

2. Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện

- Giải pháp, nhiệm vụ về chỉ đạo điều hành, ban hành và triển khai cơ chế chính sách, hướng dẫn thực hiện

- Giải pháp, nhiệm vụ về cơ chế phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình

- Giải pháp, nhiệm vụ về đẩy mạnh, đảm bảo hiệu quả cơ chế phân cấp quản lý, trao quyền cho địa phương và người dân thực hiện Chương trình

- Giải pháp, nhiệm vụ về bố trí, huy động, phân bổ, sử dụng, lồng ghép nguồn lực

- Giải pháp, nhiệm vụ về lập kế hoạch, giao kế hoạch thực hiện Chương trình

- Giải pháp, nhiệm vụ về quy trình lập, thẩm định, phê duyệt, triển khai hoạt động, giải ngân, thanh quyết toán các dự án, hoạt động thuộc Chương trình

- Giải pháp, nhiệm vụ về thông tin, truyền thông, vận động

- Giải pháp, nhiệm vụ về nâng cao năng lực cho các chủ đầu tư, cán bộ các cấp, cộng đồng, người dân.

- Giải pháp, nhiệm vụ về lồng ghép giới, thúc đẩy bình đẳng giới

- Giải pháp, nhiệm vụ về theo dõi, kiểm tra, đánh giá thực hiện Chương trình

- Các giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ trọng tâm khác.

3. Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

3.1. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan, các cấp địa phương

3.2. Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan Trung ương

IV. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Tổng hợp số liệu theo kỳ báo cáo trong Phụ lục số 01 về các chỉ số kết quả chủ yếu; các Biểu từ số 2.1 đến số 2.10 của các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của Chương trình thuộc phạm vi quản lý và trách nhiệm báo cáo trong Phụ lục số 02; và Biểu số 3.2 trong Phụ lục số 03 về bố trí, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

Nơi nhận....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(ký tên, đóng dấu)